

Số/No: 26/TN5/2034-02

Trang/Page: 1/2

VIMCERTS 093/2026/1712

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Tên mẫu thử: | Mẫu nước thải sinh hoạt 2R1 sau xử lý. |
| 2. Khách hàng: | Công ty Honda Việt Nam. |
| 3. Lượng mẫu: | 6,0L. |
| 4. Ngày lấy mẫu: | 05/08/2026. |
| 5. Tình trạng mẫu: | Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh. |
| 6. Thời gian thử nghiệm: | Từ ngày: 05/08/2026 đến ngày: 21/09/2026. |
| 7. Ngày hoàn thành: | 21/09/2026. |

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2034-02

Trang/Page: 2/2

VIMCERTS 093/2026/1712

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	7,01
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	6,1
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	10,8
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	243
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 1,0	< 0,10
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	9,12
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	0,38
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	1,24
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	7,9x10 ¹

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2034-04

Trang/Page: 1/2

VIMCERTS 093/2026/1714

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Tên mẫu thử: | Mẫu nước thải sinh hoạt 2R2 sau xử lý. |
| 2. Khách hàng: | Công ty Honda Việt Nam. |
| 3. Lượng mẫu: | 6,0L. |
| 4. Ngày lấy mẫu: | 05/08/2026. |
| 5. Tình trạng mẫu: | Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh. |
| 6. Thời gian thử nghiệm: | Từ ngày: 05/08/2026 đến ngày: 21/09/2026. |
| 7. Ngày hoàn thành: | 21/09/2026. |

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2034-04

Trang/Page: 2/2

VIMCERTS 093/2026/1714

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	6,86
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	5,4
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	< 10,0
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	245
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 1,0	< 0,10
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	7,67
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	< 0,30
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	1,06
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	5,8x10 ⁴

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2034-05

Trang/Page: 1/2

VIMCERTS 093/2026/1715

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Tên mẫu thử: | Mẫu nước thải sinh hoạt SH3 sau xử lý. |
| 2. Khách hàng: | Công ty Honda Việt Nam. |
| 3. Lượng mẫu: | 6,0L. |
| 4. Ngày lấy mẫu: | 05/08/2026. |
| 5. Tình trạng mẫu: | Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh. |
| 6. Thời gian thử nghiệm: | Từ ngày: 05/08/2026 đến ngày: 21/09/2026. |
| 7. Ngày hoàn thành: | 21/09/2026. |

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2034-05

Trang/Page: 2/2

VIMCERTS 093/2026/1715

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	7,25
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	12,8
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	11,3
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	279
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 1,0	< 0,10
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	5,87
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	< 0,30
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	1,18
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	6,3x10 ¹

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2242

Trang/Page: 1/3
VIMCERTS 093/2026/1745

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Nước thải điểm xả cuối Honda - Tọa điểm X: 2348984,6553, Y: 575265,9861.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 20/08/2026.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 20/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
- Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2242

Trang/Page: 2/3
VIMCERTS 093/2026/1745

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	28,3
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,34
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	11,8
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	6,8
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	21,4
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	18,0
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,0003)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,003)
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,003)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,03)
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	< 0,10
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	< 0,10
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,424
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	17,6
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2242

Trang/Page: 3/3
VIMCERTS 093/2026/1745KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	< 3,0
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,306
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	$1,5 \times 10^1$
29	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	$\leq 500^*$	133
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	$\leq 5^*$	< 0,30
31	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	$\leq 10^*$	KPH (GHPH = 1,0)
32	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 30^*$	1,29

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; “-” Không quy định trong quy chuẩn.
“*” QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - cột A.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2032-02

Trang/Page: 1/2

VIMCERTS 093/2026/1703

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước thải công nghiệp 2R1 sau xử lý.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 05/08/2026.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
- Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Kiệt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2032-02

Trang/Page: 2/2
VIMCERTS 093/2026/1703

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	28,7
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,18
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	KPH (GHPH = 5,0)
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	< 3,0
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	< 9,0
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	< 10,0
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	< 0,010
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	< 0,15
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	0,129
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,918
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	12,6
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	KPH (GHPH = 1,0)
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,767
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; "-": Không quy định trong quy chuẩn.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2032-04

Trang/Page: 1/2

VIMCERTS 093/2026/1705

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Mẫu nước thải công nghiệp 2R2 sau xử lý.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Lượng mẫu: 10L.
4. Ngày lấy mẫu: 05/08/2026.
5. Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
7. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2032-04

Trang/Page: 2/2
VIMCERTS 093/2026/1705

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	28,5
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,22
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	KPH (GHPH = 5,0)
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	< 3,0
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	< 9,0
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	10,8
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	< 0,010
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	0,212
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	< 0,10
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,435
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	27,2
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	KPH (GHPH = 1,0)
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,707
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; "-" Không quy định trong quy chuẩn.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2032-06

Trang/Page: 1/2

VIMCERTS 093/2026/1707

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước thải công nghiệp 4R sau xử lý.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 05/08/2026.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
- Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026
GIÁM ĐỐCPHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2032-06

Trang/Page: 2/2
VIMCERTS 093/2026/1707

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	28,6
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,60
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	< 10,0
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	6,2
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	20,3
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	< 10,0
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	< 0,010
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	< 0,010
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	< 0,15
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	0,101
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	< 0,10
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	4,78
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	100
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	KPH (GHPH = 1,0)
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	1,93
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; "-" Không quy định trong quy chuẩn.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2034-06

Trang/Page: 1/2

VIMCERTS 093/2026/1716

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Tên mẫu thử: | Mẫu nước thải sinh hoạt khu ký túc xá sau xử lý. |
| 2. Khách hàng: | Công ty Honda Việt Nam. |
| 3. Lượng mẫu: | 6,0L. |
| 4. Ngày lấy mẫu: | 05/08/2026. |
| 5. Tình trạng mẫu: | Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh. |
| 6. Thời gian thử nghiệm: | Từ ngày: 05/08/2026 đến ngày: 21/09/2026. |
| 7. Ngày hoàn thành: | 21/09/2026. |

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2034-06

Trang/Page: 2/2

VIMCERTS 093/2026/1716

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	7,22
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	7,4
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	14,4
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	183
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 1,0	< 0,10
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	2,97
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	< 0,30
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	1,87
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	4,6x10 ¹

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.